

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ

ĐỖ THỊ HẰNG^{1*} - ĐINH THỊ THU HÀ^{1**}

¹Trường Đại học Công nghiệp Việt Hưng

*Email: dothihang.viu@gmail.com

**E-mail: dinhhaktvh@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/7/2026

Ngày sửa bài: 27/7/2026

Ngày duyệt đăng bài: 12/8/2026

Tóm tắt:

Bài viết tập trung phân tích thực trạng hoạt động đổi mới sáng tạo (ĐMST) và khởi nghiệp của sinh viên Việt Nam giai đoạn hiện nay thông qua việc tổng hợp dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo quốc gia, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ cùng các nghiên cứu thực nghiệm. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù tinh thần và nhận thức về ĐMST trong sinh viên gia tăng với gần 50% cơ sở giáo dục đại học đã đưa môn học khởi nghiệp vào chương trình giảng dạy, tỷ lệ thương mại hóa các dự án thành công vẫn còn tương đối thấp (dưới 10%). Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ sự thiếu hụt kiến thức quản trị thực chiến, rào cản về vốn mạo hiểm, hạ tầng nghiên cứu chưa đồng bộ và sự liên kết yếu giữa Nhà trường - Doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất 5 nhóm giải pháp chiến lược nhằm nâng cao năng lực ĐMST cho sinh viên, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp đại học tại Việt Nam.

Từ khóa: đổi mới sáng tạo, sinh viên, khởi nghiệp sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp đại học, Việt Nam, chuyển đổi số

Innovation and entrepreneurship among Vietnamese students in the digital transformation era

Abstract:

Amid the rapid development of Industry 4.0 and the knowledge economy, innovation and entrepreneurship have become key drivers of national competitiveness. Vietnamese students, as a young and technology-responsive workforce, play a central role in the innovation ecosystem. This study analyzes the current state of student innovation and entrepreneurship in Vietnam using secondary data from national reports, the Ministry of Education and Training, the Ministry of Science and Technology, and empirical studies. The findings show that students' awareness and engagement have increased considerably, with nearly 50% of higher education institutions incorporating entrepreneurship courses into their curricula. However, the successful commercialization rate of student projects remains below 10%, mainly because of limited practical management knowledge, barriers to venture capital, inadequate research infrastructure, and weak university-business linkages. The study proposes five strategic groups of solutions to strengthen students' innovation capacity.

Keywords: innovation, students, innovative entrepreneurship, university startup ecosystem, Vietnam, digital transformation

1. Đặt vấn đề

Thế giới đang trải qua giai đoạn thay đổi mạnh mẽ dưới tác động của sự phát triển từ công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) và dữ liệu lớn (Big Data). Trong bối cảnh đó, ĐMST không chỉ là chìa khóa gia tăng năng suất lao động mà còn là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi quốc gia. Đối với Việt Nam, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định ĐMST là một trong những đột phá chiến lược để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Sinh viên là nhóm dân số chiếm tỷ trọng lớn trong lực lượng trí thức trẻ - là nguồn cung cấp ý tưởng sáng tạo dồi dào nhất. Nghị định và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, điển hình như Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” (Đề án 1665) và Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (Đề án 844), đã tạo khung pháp lý và chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy tinh thần ĐMST trong môi trường học thuật.

Tuy nhiên, khoảng cách từ ý tưởng sáng tạo trên ghế nhà trường đến một sản phẩm thương mại có khả năng tồn tại trên thị trường thực tế vẫn còn rất lớn. Việc đánh giá toàn diện thực trạng, chỉ ra những điểm nghẽn và đề xuất giải pháp khả thi để nâng cao năng lực ĐMST của sinh viên Việt Nam hiện nay là một đòi hỏi cấp thiết cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1 Khái niệm Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo

Đổi mới sáng tạo (Innovation): Theo Schumpeter (1934), ĐMST là việc giới thiệu một sản phẩm/dịch vụ mới, một phương pháp sản xuất mới, việc mở ra một thị trường mới, hoặc một hình thức tổ chức mới. OECD (2018) định nghĩa ĐMST là việc thực hiện một sản phẩm (hàng hóa/dịch vụ) hoặc quy trình mới hoặc được cải tiến đáng kể, một phương pháp tiếp thị mới, hoặc một phương pháp tổ chức mới trong thực tiễn kinh doanh.

Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo (Innovative Entrepreneurship): Khác với khởi nghiệp truyền thống (mở cửa hàng, kinh doanh mô hình có sẵn), khởi nghiệp ĐMST gắn liền với việc tạo ra giá trị gia tăng cao dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ mới hoặc mô hình kinh doanh đột phá, có khả năng tăng trưởng nhanh và mở rộng quy mô lớn (Blank, 2012; Ries, 2011).

2.1.2 Mô hình Hệ sinh thái Đổi mới sáng tạo trong Trường Đại học

Khung lý thuyết về mô hình "Xoắn ốc ba bên" (Triple Helix) do Etzkowitz và Leydesdorff (2000) phát triển là nền tảng quan trọng trong việc phân tích cơ chế tương tác đa phương giữa Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp nhằm thúc đẩy nền kinh tế dựa trên tri thức. Mô hình này làm rõ vai trò chiến lược và sự liên kết hữu cơ giữa các chủ thể cốt lõi trong hệ sinh thái. Cụ thể như sau:

(1) *Trường Đại học (Chủ thể tri thức)*: Đóng vai trò là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời khởi tạo tri thức thông qua các hoạt động nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, tạo tiền đề cho các sáng chế và phát minh công nghệ.

(2) *Khởi Doanh nghiệp (Chủ thể thương mại hóa)*: Đảm nhận vai trò cung ứng vốn đầu tư, đưa ra các tín hiệu và nhu cầu thực tiễn từ thị trường; đồng thời thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) ứng dụng nhằm đưa các kết quả nghiên cứu khoa học vào chuỗi sản xuất, kinh doanh thương mại.

(3) *Cơ quan Quản lý Nhà nước (Chủ thể kiến tạo)*: Thiết lập hành lang pháp lý, chính sách ưu đãi và cung cấp hạ tầng nền tảng, tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy mối liên kết bền vững giữa trường đại học và doanh nghiệp.

Tại không gian giáo dục đại học, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo được hiện thực hóa thông qua cấu trúc đa tầng bao gồm các thành tố tương hỗ lẫn nhau: chương trình đào tạo tích hợp, trung tâm ươm tạo (incubation centers), không gian sáng chế và làm việc chung (makerspaces/coworking spaces), các quỹ đầu tư mạo hiểm nội bộ (internal venture funds), cùng mạng lưới cố vấn chuyên gia (mentor network). Sự

kết hợp đồng bộ của các thành tố này đóng vai trò quyết định trong việc hình thành và nuôi dưỡng các dự án khởi nghiệp tiềm năng từ môi trường học thuật.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực ĐMST của sinh viên

Theo lý thuyết Hành vi dự định (Theory of Planned Behavior - Ajzen, 1991) và mô hình Ý định Khởi nghiệp của Liñán và Rodriguez-Cohard (2011), các yếu tố thúc đẩy hoạt động ĐMST của sinh viên bao gồm:

Yếu tố nội tại: Thái độ cá nhân đối với ĐMST, niềm tin vào năng lực bản thân (self-efficacy), tư duy phản biện và khả năng chấp nhận rủi ro.

Yếu tố môi trường giáo dục: Chất lượng chương trình đào tạo ĐMST, trải nghiệm thực tế, vai trò truyền cảm hứng của giảng viên.

Yếu tố hỗ trợ ngoại cảnh: Khả năng tiếp cận tài chính, mạng lưới cố vấn, và chính sách khen thưởng/hỗ trợ pháp lý.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp tổng hợp, phân tích dữ liệu thứ cấp (Secondary Data Analysis):

Các báo cáo thường niên về ĐMST và Đầu tư Công nghệ Việt Nam do Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC), Bộ Kế hoạch và Đầu tư phát hành.

Số liệu thống kê từ Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) liên quan đến Đề án 1665 và Đề án 844.

Báo cáo chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO).

Các công trình nghiên cứu, khảo sát thực nghiệm đã công bố trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế giai đoạn 2020 - 2025.

2.3.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

Phương pháp thống kê mô tả (Descriptive Statistics): Sử dụng các chỉ số về tỷ lệ %, số lượng dự án, số tiền đầu tư để phác họa bức tranh toàn cảnh về hoạt động ĐMST của sinh viên.

Phương pháp so sánh và đối chiếu (Comparative Analysis): So sánh sự chuyển dịch trong nhận thức và kết quả ĐMST của sinh viên qua các năm, cũng như so sánh giữa môi trường Việt Nam và một số quốc gia trong khu vực ASEAN.

Phương pháp phân tích tổng hợp (Synthesizing): Trích xuất các rào cản chính và nguyên nhân cốt lõi để làm nền tảng xây dựng giải pháp.

3. Thảo luận và kết quả nghiên cứu

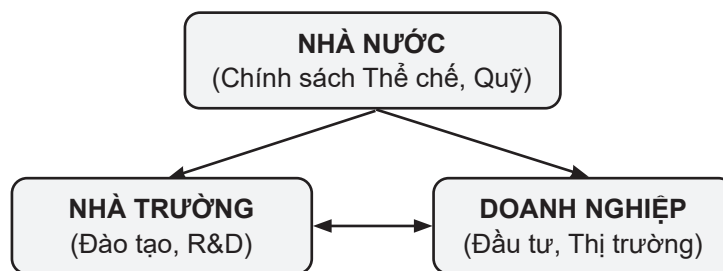
3.1. Những kết quả đạt được và chỉ số ấn tượng

Thứ nhất, nhận thức và tinh thần ĐMST được lan tỏa rộng khắp. Sự hỗ trợ từ Đề án 1665 đã mang lại những bước chuyển biến mạnh mẽ trong hệ thống đại học Việt Nam:

- 100% các cơ sở đào tạo đại học trên cả nước đã ban hành kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, ĐMST.

- Tỷ lệ các trường đại học đưa nội dung khởi nghiệp, ĐMST thành môn học chính khóa (bắt buộc hoặc tự chọn với tối thiểu 1-2 tín chỉ) đã tăng từ 30% (cuối năm 2020) lên xấp xỉ 50% (khoảng hơn 100 trường đại học) và tiếp tục mở rộng.

Hình 1. Mô hình Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong trường Đại học



- Khoảng 75% cơ sở đào tạo tổ chức được các khóa đào tạo kỹ năng ngắn hạn, workshop, hackathon dành riêng cho sinh viên.

- Mạng lưới hơn 200 cán bộ, giảng viên tư vấn hỗ trợ khởi nghiệp được đào tạo chuyên sâu trên toàn quốc.

Thứ hai, quy mô và chất lượng các cuộc thi ĐMST gia tăng. Các sân chơi lớn như "Ngày hội Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp" (SV.STARTUP) do Bộ GD&ĐT tổ chức hàng năm thu hút hàng nghìn dự án:

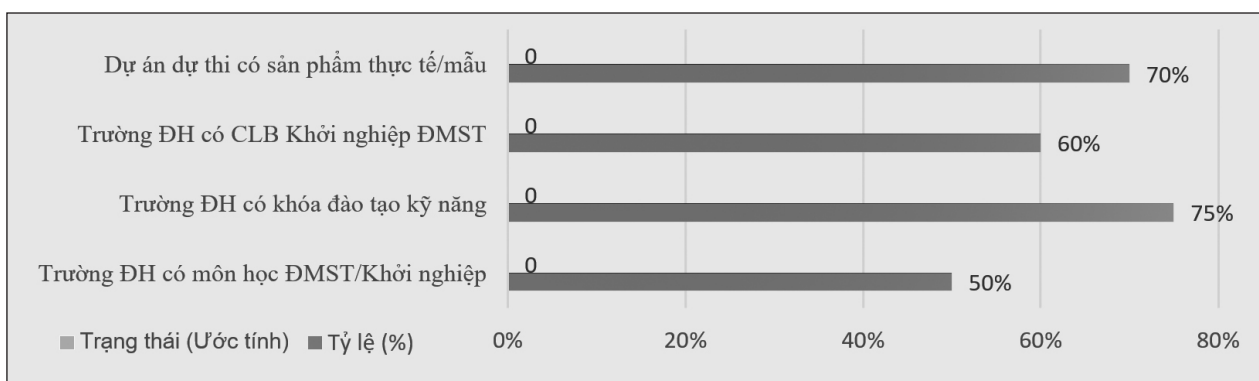
- Trung bình mỗi kỳ thi nhận được từ 400 - 600 dự án tham gia từ các trường đại học, cao đẳng.

- Tỷ lệ các dự án có sản phẩm mẫu (prototype) hoặc sản phẩm đang trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm chiếm tới 70%, thay vì chỉ dừng lại ở ý tưởng trên giấy như giai đoạn trước năm 2018 (30%).

- Các lĩnh vực thu hút sinh viên ĐMST tập trung mạnh vào: Công nghệ thông tin/Trí tuệ nhân tạo (AI/IoT), Công nghệ sinh học & Y tế, Nông nghiệp công nghệ cao, Giáo dục (EdTech) và Kinh tế xanh/Tuần hoàn.

Thứ ba, sự bùng nổ của các Câu lạc bộ (CLB) Khởi nghiệp ĐMST và Không gian Sáng tạo. Đến nay, trên 60% các trường đại học đã thành lập CLB Khởi nghiệp ĐMST do sinh viên tự quản lý dưới sự bảo trợ của Ban Giám hiệu. Nhiều trường đại học hàng đầu (Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Ngoại thương, Đại học Duy Tân...) đã xây dựng các Trung tâm Ươm tạo (Incubator), Không gian làm việc chung (Co-working space) đáp ứng tiêu chuẩn hiện đại.

Hình 2. Chỉ số phát triển đổi mới sáng tạo (ĐMST) và khởi nghiệp của sinh viên



3.2. Những tồn tại, hạn chế và điểm nghẽn

Mặc dù phong trào ĐMST trong sinh viên phát triển mạnh mẽ, tính hiệu quả chiều sâu và tỷ lệ sống sót của các dự án vẫn còn khiêm tốn:

Tỷ lệ thương mại hóa thấp và khả năng duy trì hoạt động của dự án còn hạn chế: Theo các thống kê từ hệ sinh thái khởi nghiệp, tỷ lệ sinh viên thực sự thành lập doanh nghiệp sau khi tham gia cuộc thi chỉ duy trì ở mức 5% - 7%. Hơn 90% các dự án sinh viên ngừng hoạt động hoặc tan rã sau 1-2 năm ra trường. Các dự án đoạt giải cao tại các cuộc thi cấp Bộ/Tường thường khó bước ra thị trường thực tế do thiếu định hướng kinh doanh.

Thiếu hụt kỹ năng quản trị thực chiến và kiến thức thị trường: Sinh viên khối kỹ thuật thường giỏi về công nghệ nhưng yếu về tư duy tài chính, marketing, pháp lý và quản trị nhân sự. Trái lại, sinh viên khối kinh tế có ý tưởng kinh doanh tốt nhưng lại thiếu năng lực làm chủ công nghệ lõi (core technology), dẫn đến sản phẩm dễ bị sao chép, thiếu hàm lượng khoa học.

Khó khăn về nguồn vốn đầu tư mạo hiểm: Khảo sát cho thấy, hơn 85% dự án ĐMST của sinh viên phải tự huy động vốn từ gia đình, bạn bè hoặc tiền tiết kiệm cá nhân (Bootstrapping). Các Quỹ đầu tư mạo hiểm (Venture Capital) và Nhà đầu tư thiên thần (Angel Investors) rất ngại rót vốn vào dự án sinh viên do mức độ rủi ro quá cao, mô hình kinh doanh chưa kiểm chứng và rào cản về pháp lý sở hữu trí tuệ giữa nhà trường và sinh viên.

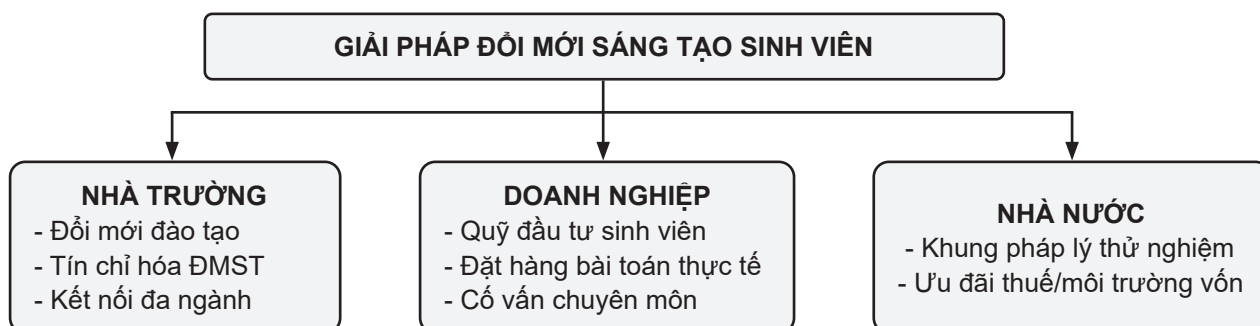
Cơ chế chính sách trong nhà trường chưa thực sự đột phá: Hoạt động ĐMST trong nhiều trường đại học

vẫn mang tính chất phong trào, chạy theo thành tích để báo cáo. Thiếu các cơ chế tài chính linh hoạt cho phép trích nguồn quỹ R&D của nhà trường đầu tư trực tiếp vào dự án sinh viên. Quy chế về công nhận tín chỉ học tập, thay thế luận văn tốt nghiệp bằng dự án khởi nghiệp ĐMST đã bắt đầu xuất hiện nhưng chưa được áp dụng rộng rãi.

3.3. Đề xuất giải pháp thúc đẩy đổi mới sáng tạo của sinh viên

Để chuyển hóa tiềm năng sáng tạo của sinh viên thành các giá trị kinh tế - xã hội cụ thể, cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp đột phá theo mô hình Xoắn ốc ba bên:

Hình 3. Mô hình Xoắn ốc ba bên



3.3.1. Nhóm giải pháp đối với cơ sở giáo dục đại học (Nhà trường)

Đổi mới chương trình đào tạo theo hướng thực tiễn và liên ngành: Tích hợp phương pháp tư duy thiết kế (Design Thinking), khởi nghiệp tinh gọn (Lean Startup) vào chương trình chính khóa. Khuyến khích sự kết hợp giữa sinh viên khối kỹ thuật (tạo sản phẩm) và sinh viên khối kinh tế (xây dựng mô hình kinh doanh) trong cùng một nhóm dự án.

Thế chế hóa cơ chế khuyến khích sinh viên ĐMST: Áp dụng chính sách cho phép sinh viên sử dụng dự án khởi nghiệp ĐMST đã qua kiểm chứng (có sản phẩm, có khách hàng) để quy đổi thành tín chỉ thực tập hoặc làm luận văn tốt nghiệp.

Nâng cấp Trung tâm Ươm tạo và Không gian Sáng tạo: Chuyển đổi các Trung tâm Hỗ trợ sinh viên từ vai trò hành chính sang vai trò nhà ươm tạo chuyên nghiệp; chủ động kết nối chuyên gia, cựu sinh viên thành công để làm cố vấn (mentor) đồng hành cùng sinh viên.

3.3.2. Nhóm giải pháp đối với doanh nghiệp và Quỹ Đầu tư

Thúc đẩy mô hình "Đổi mới sáng tạo mở" (Open Innovation): Doanh nghiệp cần đặt hàng trực tiếp các "bài toán" hoặc thách thức công nghệ mà mình đang gặp phải cho sinh viên thông qua các cuộc thi giải quyết vấn đề (Hackathon/Corporate Innovation Challenge).

Thành lập Quỹ ươm mầm khởi nghiệp sinh viên: Doanh nghiệp hợp tác cùng nhà trường xây dựng các quỹ hạt giống (Seed Fund) quy mô vừa và nhỏ (từ 50 - 200 triệu VNĐ/dự án) nhằm hỗ trợ chi phí làm sản phẩm mẫu và thử nghiệm thị trường ban đầu mà không đòi hỏi thể chấp hay cổ phần quá lớn.

3.3.3. Nhóm giải pháp đối với Cơ quan Quản lý Nhà nước

Hoàn thiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox): Ban hành các quy định pháp lý linh hoạt cho phép sinh viên thử nghiệm các mô hình kinh doanh công nghệ mới (Fintech, EdTech, AI tools...) trong phạm vi khuôn viên đại học hoặc không gian công nghệ cao mà không bị vướng mắc các quy định kinh doanh khắt khe.

Xây dựng Quỹ Hỗ trợ Khởi nghiệp ĐMST Quốc gia dành cho giới trẻ: Trích lập nguồn ngân sách nhà nước kết hợp nguồn lực xã hội hóa để cấp vốn phi hoàn lại (Grants) cho các dự án ĐMST xuất sắc của sinh viên đạt giải cấp Quốc gia.

Chính sách ưu đãi thuế: Giảm hoặc miễn thuế doanh nghiệp trong 3-5 năm đầu cho các doanh nghiệp khởi nghiệp được trưởng thành từ các Trung tâm Ươm tạo Đại học.

3.3.4. Nhóm giải pháp đối với bản thân sinh viên

Chủ động thay đổi tư duy và nâng cao năng lực hội nhập: Sinh viên cần chủ động rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm đa văn hóa, và đặc biệt là năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) để tiếp cận tri thức toàn cầu và gọi vốn quốc tế.

Chấp nhận rủi ro và bài học thất bại: Coi ĐMST là một quá trình học tập liên tục. Thất bại từ các dự án sinh viên chính là những trải nghiệm thực tế vô giá giúp nâng cao năng lực hành nghề trong tương lai.

4. Kết luận

Đổi mới sáng tạo trong sinh viên Việt Nam không chỉ là một phong trào ngắn hạn mà là một chiến lược lâu dài nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao cho kỷ nguyên số. Mặc dù thực trạng hiện nay cho thấy sự phát triển ấn tượng về mặt quy mô, tinh thần và nhận thức, nhưng chất lượng chiều sâu, tỷ lệ thương mại hóa và sức sống của các doanh nghiệp bước ra từ trường đại học vẫn còn gặp nhiều rào cản.

Để giải quyết triệt để các điểm nghẽn về vốn, kỹ năng thực chiến và cơ chế pháp lý, sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp là điều kiện tiên quyết. Khi hệ sinh thái ĐMST trong các trường đại học được hoàn thiện và vận hành hiệu quả, sinh viên Việt Nam sẽ không chỉ dừng lại ở vai trò "người tìm việc" mà sẽ trở thành "người tạo việc làm", đóng góp trực tiếp vào sự phát triển phồn vinh và tự chủ công nghệ của đất nước ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Đề án "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025" (Đề án 1665). Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Thủ tướng Chính phủ. (2016). Quyết định số 844/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025", ban hành ngày 18/05/2016.
- Thủ tướng Chính phủ. (2017). Quyết định số 1665/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025", ban hành ngày 30/10/2017.
- Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC) & Do Ventures. (2023). Báo cáo Đổi mới sáng tạo và Đầu tư công nghệ Việt Nam 2023. Hà Nội: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Lê Anh Đức (2021). Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên các trường đại học tại Việt Nam. Tạp chí Công Thương, số 23, 123-129.
- Nguyễn Hồng Thu (2023). Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam, số 12, 45-56. DOI: 10.56794/KHXHVN.11(191).61-70
- Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179-211. [https://doi.org/10.1016/0749-5978\(91\)90020-T](https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T)
- Blank, S. (2012). *The Four Steps to the Epiphany: Successful Strategies for Products that Win*. K&S Ranch Publishing.
- Đỗ, A. Đ. (2021). An empirical investigation of students' startup intention in Vietnam. *Journal of Economics and Development, Special Issue 2021*, 85-96.
- Etzkowitz, H., & Leydesdorff, L. (2000). The dynamics of innovation: from National Systems and "Mode 2" to a Triple Helix of university-industry-government relations. *Research Policy*, 29(2), 109-123.
- Liñán, F., & Rodríguez-Cohard, J. C. (2011). Factors affecting entrepreneurial intention levels: A role for education. *International Entrepreneurship and Management Journal*, 7(2), 195-218. <https://doi.org/10.1007/s11365-010-0156-5>
- OECD/Eurostat. (2018). *Oslo Manual 2018: Guidelines for Collecting, Reporting and Using Data on Innovation* (4th ed.). OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/9689264307230-en>
- Ries, E. (2011). *The Lean Startup: How Today's Entrepreneurs Use Continuous Innovation to Create Radically Successful Businesses*. Crown Business.
- Schumpeter, J. A. (1934). *The Theory of Economic Development*. Harvard University Press.
- WIPO. (2024). *Global Innovation Index 2024: Unlocking the Promise of Social Entrepreneurship*. Geneva: World Intellectual Property Organization.